



VÀI SỰ NGHĨ VỀ THÀNH PHẦN TỘC NGƯỜI TÀ ƠI Ở RƯỚC TÀ

NGUYỄN VĂN MINH

Theo số liệu điều tra năm 2004 của Ban Dân tộc và Miền núi hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế, người Tà Ơi sinh sống ở đây có 37.353 người, trong đó, huyện: A Lưới - 27.135 người, Đak Rông - 7.446 người, Hướng Hóa - 2.733 người. Song trong tộc người này có gần 20.000 người tự nhận là Pa kôh, số còn lại hơn 17.000 người tự nhận Tà Ơi.

Các nhà Dân tộc học khi thừa nhận tộc danh Tà Ơi đã cho rằng, tên gọi Pa kôh chỉ là từ phẩm xưng “người ở phía núi” (như tên gọi Bru của dân tộc Vân Kiều); vì vậy đã có sự hợp nhất nhóm người Tà Ơi và nhóm người Pa kôh thành dân tộc Tà Ơi. Tuy nhiên, trên thực tế và trong các văn bản của chính quyền địa phương (cấp xã, huyện và cả cấp tỉnh), người Pa kôh và người Tà Ơi mặc nhiên đã được tách thành hai dân tộc riêng biệt.

Từ thực tế đó, chúng tôi xin góp một vài tư liệu nhằm làm sáng tỏ vấn đề thành phần tộc người Tà Ơi (gồm 2 nhóm: Tà Ơi và Pa kôh) ở Quảng Trị và Thừa Thiên- Huế.

1. Về văn hóa giữa người Tà Ơi và Pa kôh

Nhóm người Tà Ơi và Pa kôh có quan hệ với nhau về nguồn gốc, đều là những nhóm người thuộc ngôn ngữ Môn miền núi nên có nhiều nét tương đồng về thành tố văn hoá: trang phục, nhà cửa, ẩm thực, công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển, dụng cụ sinh hoạt gia đình, ca múa nhạc, tín ngưỡng tôn giáo... Song trên thực tế, ngoài những nét tương đồng, họ cũng có nhiều nét khác biệt về văn hóa.

a. Khác biệt về không gian cư trú

Người Tà Ơi thường cư trú ở vùng cao, nơi địa hình không bằng phẳng, còn ngược lại người Pa kôh cư trú ở vùng thấp, trong các thung lũng, các con sông, suối, địa hình tương đối bằng phẳng. Chính đặc điểm cư trú như vậy, nên gây chọc lỗ và cách tra hạt trong sản xuất nương rẫy của 2 nhóm người này có sự khác nhau rõ nét. Do ở vùng cao, địa hình đồi núi dốc, nên gây chọc lỗ (*tà rem*) của nhóm Tà Ơi chỉ dài khoảng 1,2m đến 1,5m, phía đầu gậy bịt bằng sắt theo lối tra cán. Khi gieo hạt người này chọc lỗ người đó tự tra hạt và lấp lỗ. Trong khi đó, người Pa kôh ở vùng thấp, địa hình tương đối bằng phẳng, nên gây chọc lỗ có cán dài từ 2 - 2,5m, một đầu bịt bằng sừng trâu hoặc bằng sắt nhưng cách bịt có khác là bao chặt ngoài cán gỗ. Khi tra hạt, nam giới chọc lỗ, nữ giới tra hạt và lấp lỗ.

b. Khác nhau về cấu trúc làng bản

Cũng do địa hình cư trú không giống nhau nên cấu trúc làng bản của 2 nhóm người này khác nhau. Làng bản của người Tà Ơi có cấu trúc theo lối mật tập, ở giữa là nhà *rông* (ngôi nhà chung của cộng đồng), bao quanh là nhà của các thành viên trong bản; còn người Pa kôh, không có nhà *rông*, cấu trúc làng bản chủ yếu theo dạng hình vành khuyên, hình móng ngựa, hoặc theo hà ng, dãy.

c. Khác nhau về nghề thủ công truyền thống

Người Tà Ơi phổ biến có nghề dệt *dèng* và nghề này đã có từ lâu đời; từ trẻ em đến các cụ

già đều biết dệt *dèng*. Trong nghề dệt *dèng*, ng-ời ta là m chủ đ-ọc tất cả các công đoạn, từ khâu trồng bông, xe sợi, là m khung dệt đến dệt vải. Đặc biệt là kỹ thuật pha chế mà u nhuộm sợi và sử dụng hạt cườm trong dệt *dèng*. Sản phẩm nghề dệt *dèng* không chỉ sử dụng để làm trang phục mà còn dùng làm m “vật” trao đổi, vật thách cưới trong hôn nhân, vật thiêng trong tín ngưỡng tôn giáo. Sản phẩm không chỉ sử dụng trong gia đình, mà còn để trao đổi với các dân tộc láng giềng. Sản phẩm *dèng* của họ được nhiều tộc người trong khu vực ưa chuộng. Trong khi đó, người Pa kôh không biết dệt *dèng*, họ phải mua sản phẩm *dèng* của nhóm Tà ôi.

d. Khác nhau về văn nghệ dân gian

Trong sinh hoạt văn nghệ dân gian, người Pa kôh có điệu hát *cha chấp*. Đây là làn điệu hát đối đáp, thể hiện tình yêu của các chàng trai, cô gái khi gặp gỡ nhau; hoặc là thể hiện sự cảm hứng của mình trước cảnh đẹp thiên nhiên khi lên rừng, xuống suối. *Cha chấp* thường được hát đối đáp giữa nam và nữ. Người Tà ôi có làn điệu *nha nim*. Đây là điệu hát giải bày tâm sự của người con gái, con trai lúc về đêm. Họ kể về cuộc đời, cuộc tình của mình khi bị phụ bạc, lãng quên. Vì vậy, làn điệu buồn *nha nim* thường diễn ra trong đêm khuya.

đ. Khác nhau trong tiết tấu nhạc lễ cải táng

Các lễ thức cải táng (*aricuping*) của người Tà ôi và Pa kôh về cơ bản giống nhau. Nh-ng có sự khác nhau một số tiết tấu trong nhạc lễ cải

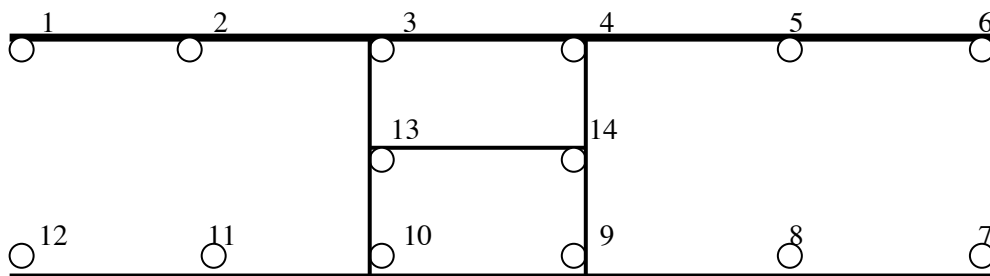
táng. Khi nghe nhạc lễ cải táng ng-ời ta sẽ phân biệt đ-ọc đây là lễ cải táng của nhóm Tà ôi hay nhóm Pa kôh. Đối với ng-ời Tà ôi, trong nhạc lễ cải táng th-ờng đánh trống theo nhịp chậm rãi, các tiếng cách quãng nhau; còn ng-ời Pa kôh, trống đánh theo tiết tấu nhanh, dồn dập.

e. Khác nhau trong ẩm thực

Nếu nhóm Tà ôi có món *apurr* nh- là đặc tr-ng của ẩm thực, thì ở nhóm Pa kôh không có món này mà có món *parruc*. Món *apurr* đ-ọc làm từ sắn khô giã nhỏ lọc lấy bột nấu sền sệt nh- cháo với cá suối, thịt thú rừng, rau rừng. Món *parruc* làm bằng cách lấy sắn khô, cá suối, hoa chuối rừng trộn đều với muối rồi cho vào ống tre đem n-ống trên than hồng, giống nh- kiểu nấu cơm lam.

g. Khác nhau trong kiến trúc nhà ở

Ngôi nhà dài của Tà ôi và Pa kôh có một điểm khác biệt là: nhà ở của người Tà ôi, ngoài i hệ thống 2 hà ng cột chạy dọc nhà, người ta còn dựng thêm hai cột chính ở hai bên gian khách. Đó là 2 cột *trung mong*. Loại cột này gần giống với cột chính trong nhà *grol* của người Cơ tu, song ở người Cơ tu có 1 cột, còn ở người Tà ôi thì có 2 cột. Trong khi đó, nhà của người Pa kôh không có cột *trung mong* (xem sơ đồ vị trí cột *trung mong*).



Chú thích: từ 1 - 6 là hà ng cột thứ nhất;
từ 7-12 là hà ng cột thứ hai;

từ 13-14 là cột *trung mong*

h. Khác nhau về nơi dựng lúa

Ng-ời Tà ôi còn phổ biến chòi dựng lúa (*trul*). Chòi đ-ọc dựng ở gần nhà để cất giữ lúa sau mỗi mùa thu hoạch. Chòi có cấu trúc đơn giản, giống kiểu nhà ở thu nhỏ. Trong khi đó, loại hình này vắng bóng ở người Pa kôh.

i. Khác nhau về cách múa hát

Trong lễ cơm mới, lễ đâm trâu, ng-ời Tà ôi và Pa kôh tuy có cùng những điệu hát *chát trĩa, pom*, nh-ng lại khác nhau trong cách múa. Khi múa theo nhịp trống, người Tà ôi thường đưa hai tay cao hơn đầu, còn người Pa kôh chỉ đưa hai tay ngang vai.

k. Khác nhau trong truyền thống dệt vải

Ng-ời Pa kôh không có truyền thống dệt vải, nên có loại áo làm từ vỏ cây, gọi là áo *amung*. Cách làm áo này là lấy vỏ cây *amung* ngâm nước, phơi khô, rồi xếp lại thành hai mảnh và dùng dây rừng khâu lại. □o này giống kiểu áo chui đầu (*pông sô*) phổ biến ở các dân tộc Đông Nam Á

2. Về ngôn ngữ

Tà ôi, Pa kôh cũng như các dân tộc Cơ tu, Bru – Vân Kiều ở Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế đều thuộc ngữ hệ Môn-Khơ me miền núi. Các nhà ngôn ngữ học Hoàng Thị Châu và Nguyễn Liên cho biết, ngôn ngữ người Tà ôi và người Vân Kiều có tỉ lệ giống nhau là 70%; người Tà ôi và người Cơ tu là 54%; còn người Cơ tu với người Vân Kiều là 56% ⁽¹⁾.

Gần đây, trong công trình nghiên cứu của nhà ngôn ngữ học Đoàn Văn Phúc, tỉ lệ giống nhau giữa các tộc người Tà ôi, Vân Kiều, Cơ tu và nhóm Pa kôh như sau:

	Tà ôi	Vân Kiều	Cơ tu
Pa kôh	76%	68%	44%
Cơ tu	47%	40%	
Vân Kiều	54%		

Như vậy, mức độ gần gũi nhau về mặt ngôn ngữ của các tộc người trên theo thứ tự Tà ôi, Pa kôh, Vân Kiều, Cơ tu ⁽²⁾.

Theo Nguyễn Thị Sửu, trong ngôn ngữ của hai nhóm Tà ôi, Pa kôh, thì nhóm Tà ôi có nguồn gốc Môn đậm nét hơn. Vì vậy, nếu như nhóm Tà ôi có ngôn ngữ đa âm tiết thì ở nhóm Pa kôh đã có sự chuyển hóa từ đa âm sang đơn âm tiết. Ví dụ:

- Người Tà ôi: *jrăh* (chuông đuổi chim), *nrach* (và nh gùi)
- Người Pa kôh: *ânrah* (chuông đuổi chim), *ânrach* (và nh gùi)

□ nhóm Tà ôi, ngôn ngữ vẫn còn âm h và s trong khi đó nhóm Pa kôh âm s đã chuyển thành âm h, ví dụ:

- Người Tà ôi: *ngheais* (đém), *sides* (gậy)
- Người Pa kôh: *ngheaih* (đém), *tikôih* (gậy) ⁽³⁾

Cũng theo Nguyễn Thị Sửu trong luận văn thạc sĩ “*Đặc điểm cấu tạo từ tiếng Tà ôi*” thì ngôn ngữ của nhóm Tà ôi và Pa kôh có sự giống

¹ Viện Dân tộc học (1975), *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. tr. 207.

² Đoàn Văn Phúc, *Tiếng Pahy và vị trí của nó trong nhóm các ngôn ngữ Catu ở Việt Nam*, Báo cáo tài hội thảo khoa học Viện ngôn ngữ học 7..2002.

³ Nguyễn Thị Sửu, *Đặc điểm cấu tạo từ tiếng Tà ôi*, Luận văn thạc sĩ khoa học ngôn ngữ. Huế, 2003. ĐHKH.Huế.

nhau trên dưới 70%. Quá trình chuyển biến từ đa âm sang đơn âm được diễn ra ở các nhóm tộc người miền Tây tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế như sau: Cơ tu Tà ôi Pa khô
Vân Kiều Pa hy⁽⁴⁾.

3. Ý thức tự giác dân tộc

Trước đây, các nhà khoa học sáp nhập hai nhóm Tà ôi và Pa khô thành dân tộc Tà ôi, với lý do hai nhóm này có nhiều nét tương đồng về ngôn ngữ và văn hóa; đồng thời không lấy tên gọi “Pa khô” cho hai nhóm tộc người này vì “Pa khô” là tên phiếm xưng chỉ các dân tộc ở phía núi (*pa* có nghĩa là phía, *kôh* có nghĩa là núi). Tộc danh Tà ôi có lẽ xuất hiện sớm nhất là trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Ông đã viết: “Đầu nguồn sông Thạch Hãn huyện Hải Lăng, từ phường Tôn An xuống đến ngã ba Quán một ngày, lại có một chi đầu nguồn bên tả tự sách man Tòi-ôi xuống đến ngã ba Quán cũng một ngày”⁽⁵⁾. Dựa trên tài liệu này, tác giả Nguyễn Hữu Thông cho rằng, Tà ôi có thể chỉ là một từ Hán-Việt (Tòi hay Tà có nghĩa là nghiêng chéo, lệch về phía; Ôi là chỗ núi non và là cách phiên nghĩa để sử dụng trong các tài liệu viết bằng chữ Hán)⁽⁶⁾.

Theo các cụ già ở xã Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế cho biết: *Ngày xưa người Tà ôi cư trú rất đông xung quanh hồ Tù Vàng Axeng thuộc Mường Nong, huyện Tà Ôi, tỉnh Sanavann của Lào, hồ rộng khoảng 5 ha. Và một năm có loài ong độc không biết từ đâu bay đến đốt dân làng, làm mọi người bị bệnh và*

chết nhiều không kể hết. Các làng tổ chức cúng Giàng, nhưng nạn dịch bệnh từ ong độc vẫn không thuyên giảm. Dân làng đành phải phân tán đi các nơi khác. Một số chạy theo hướng Tây đi sâu vào đất Lào, một số chạy theo hướng đông cư trú ở các vùng A roàng, Nhâm, A dốt, A ngo thuộc huyện A Lưới ngày nay. Ở phía dưới họ rất xa có các nhóm người Pa khô Axap, Pa khô Paxiêng, Pa khô Alông, Pa khô Ale, Pa khô Tring. Phía trên người Tà ôi ở đất Lào có các nhóm người thuộc dân tộc Tà ôi, như Aro, Abộc, Alung, Tăng Pring. Họ là những người biết trồng bông, dệt vải giống người Tà ôi.

Như vậy, tên gọi Tà ôi có thể bắt nguồn từ tên gọi Tà ôi, Tà oas, Tà ôih của tộc người này ở Lào và được Lê Quý Đôn dùng từ Hán Việt để phiên âm thành Tòi-ôi và sau này người ta quen gọi là Tà ôi.



Thực tế ở miền núi hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế, Tà ôi chỉ là tên gọi cho nhóm Tà ôi ở các xã vùng cao của huyện A Lưới (Thừa Thiên - Huế) là Nhâm, A roàng, A dốt, A ngo, còn lại người Tà ôi ở các xã vùng thấp của huyện A Lưới như Hồng Vân, Hồng Trung, Hồng Bắc, Hồng Quý, Hồng Kim, thị trấn và các vùng thấp của huyện Đak Rông, Hướng Hóa của tỉnh Quảng Trị lại dùng tên gọi Pa khô. Và nhóm Tà ôi không thừa nhận tên gọi Pa khô, cũng như nhóm Pa khô không thừa nhận tên gọi Tà ôi. Pa khô như chúng ta biết nghĩa là phía

⁴ Nguyễn Thị Sửu, *Đặc điểm cấu tạo từ tiếng Tà ôi*, Luận văn thạc sĩ khoa học ngôn ngữ. Huế, 2003. ĐHKH.Huế.

⁵ Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. KHXH. H. tr.111.

⁶ Phân viện NCVHTT tại Huế (2004), *Tiếp cận văn hóa nghệ thuật miền Trung*, Phân viện NCVHTT tại Huế xuất bản, tr.40.

núi. Khi được hỏi: người Tà ôi, Cơ tu cũng là *pa kôh* (phía núi), vậy tại sao lại dùng tên gọi đó để phân biệt tộc người Pa kôh? Các cụ già Tà ôi, Cơ tu và Pa kôh đều trả lời rằng, người Cơ tu là Pa koh phương, Pa koh Cơ tu, Pa koh A xáp; người Tà ôi là Pa koh Tà ôi; người Pa kôh là Pakoh Paxiêng (ở Là o, pa là phía, xiêng là vùng đồng bằng), Pa kôh A xáp (A xáp là sông A xáp), Pa kôh Tring (tring là suối), Pakoh Ale (Ale là loại tre nhỏ thường mọc ở bờ suối), Pa kôh Alông (Alông là cây hoa đỗ quỳen thường mọc trên đá ở khe suối). Vậy tại sao người Cơ tu, Tà ôi không dùng tên gọi Pa kôh mà chỉ người Pa kôh Alông, Ale, Pa xiêng, Tring mới gọi là Pa kôh? Đồng bà o trả lời: quen rồi. Cũng có ý kiến cho rằng, trước đây người Pa kôh tự gọi là Pa kôh Alông, Pa kôh Ale. Năm 1965, anh hùng Hồ Vai đi theo đoàn anh hùng chiến sĩ thi đua quân giải phóng miền Nam ra gặp Bác Hồ. Khi Bác hỏi: “Chú dân tộc gì?”, Anh hùng Hồ Vai trả lời là dân tộc Pa kôh. Từ đó, hình thành một ý thức về dân tộc Pa kôh “con cháu Bác Hồ” trong cộng đồng nhóm tộc người này.



Khi chúng tôi tìm hiểu nguyện vọng của người Tà ôi và Pa kôh để xác định thành phần tộc người, 100% ý kiến của người dân và cán bộ địa phương đều nhất trí tách Pa kôh và Tà ôi thành hai dân tộc. Điều đó cũng được thể hiện trong sổ hộ tịch, hộ khẩu (từ cấp xã đến huyện) và lý lịch Đảng viên của hai nhóm người này. Như vậy, việc gọi dân tộc Tà ôi gồm 2 nhóm Tà ôi và Pa kôh chỉ còn tồn tại trong các tài liệu khoa học và thống kê cấp Nhà nước.

Hiện nay, tên gọi dân tộc Tà ôi không cần bàn đến, nó đã được xác định về cả phương diện khoa học và thực tiễn, còn tên gọi Pa kôh, tên gọi mà các nhà khoa học hết sức phân vân, còn tồn tại 3 ý kiến sau:

- Không đồng tình lấy tên gọi Pa kôh vì đó là từ phẩm xưng chỉ các dân tộc ở phía núi.
- Lấy “Pa kôh Alông” (hoặc Pa kôh Ale) làm tên gọi tộc người.
- Lấy “Pa kôh” làm tên gọi tộc người.

Theo chúng tôi cách dùng từ phẩm xưng “người ở phía núi” và thêm vào một đặc trưng

nà o đó về văn hóa để là m tên gọi tộc người là một hiện t-ợng phổ biến, như Nha Chút Arem (người phía núi ở rềm đá), Bru – Vân Kiều (người Vân Kiều ở phía núi), Pa kôh Alông – Ale (người sống ở phía núi, gần sông suối, nơi thường có cây đỗ quyên, cây tre thân nhỏ mọc)...

Vấn đề ở đây là tên gọi Pa kôh đã được dùng từ lâu và gắn với tình cảm thiêng liêng, lòng tự hà o dân tộc. Câu hát “Người con gái Pa kôh, con cháu Bác Hồ” hay lời tự nhận trước Bác Hồ của Anh hùng Hồ Vai “Cháu là dân tộc Pa kôh” đã thấm và o tâm thức của người dân, là một tình cảm, ước nguyện chính đáng cần được trân trọng.

Vì vậy, chúng tôi nhận thức rằng, nển tách người Tà ôi và người Pa kôh thà nh hai tộc người riêng biệt và sử dụng tên gọi Pa kôh là m tộc danh của nhóm tộc người này là phù hợp và chấp nhận được.

Hy vọng rằng những luận giải của chúng tôi ở trên phần này là m sáng tỏ được vấn đề.